



bào luàn

暴乱

noun · riot; rebellion

Example Sentences

Chéng shì fā shēng le bào luàn

城市发生了暴乱。

A riot broke out in the city.

Zhèng fǔ xùn sù píng xī le zhè chǎng bào luàn

政府迅速平息了这场暴乱。

The government quickly suppressed this riot.

Trace each character, then write the word on your own.

暴	暴	暴	暴	暴	暴	暴	暴	暴	暴	暴
暴	暴	暴	暴	暴	暴	暴				

乱	乱	乱	乱	乱	乱	乱	乱	乱	乱
